CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Cấp thoát nước và xây dựng Quảng Ngãi

Ngày 31/12/2024	17,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.1%	**6.6%**	**92.0%**

DT thuần
Q4/24
28.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.20| -7.3%
YoY: ▲ 3.60| 14.4%

LN thuần
Q4/24
9.07
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.83| -39.1%
YoY: ▲ 7.14| 370%

LN sau thuế
Q4/24
7.13
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.77| -40.1%
YoY: ▲ 5.75| 416%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
42.8%
YoY: +/-▲ 25.0%

ROE
2024
15.7%
YoY: +/-▲ 11.0%

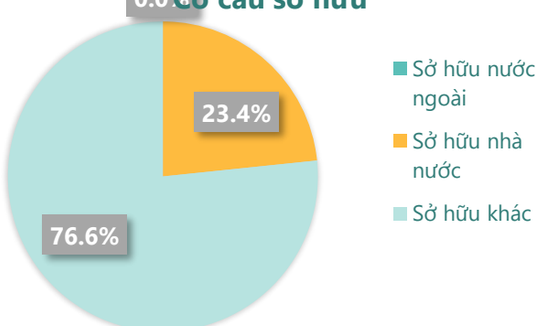
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	5,919 - 19,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	354
Số lượng CPLH (CP)	20,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	145
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.04)
EPS	1,928
P/E	9.2

DT thuần
2024
115
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 34.7| 42.5%

LN thuần
2024
48.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 34.8| 252%

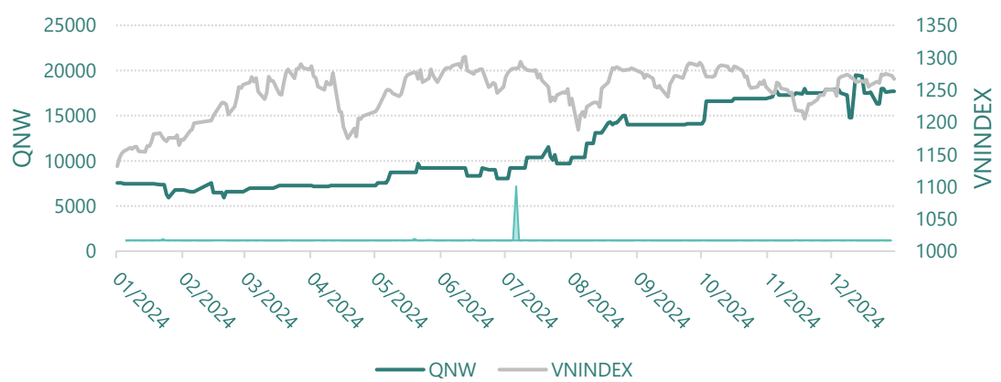
LN sau thuế
2024
38.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 27.8| 259%

Cơ cấu sở hữu

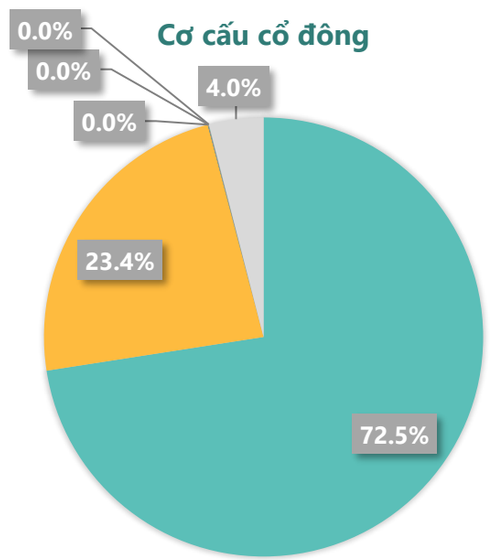


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



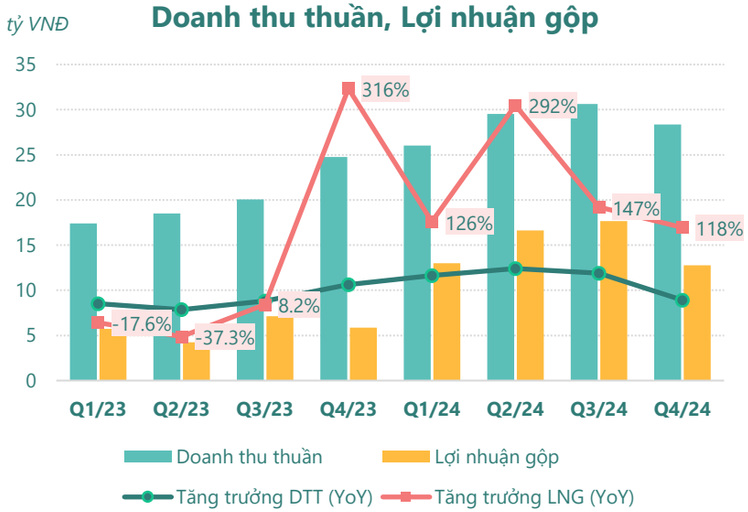
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

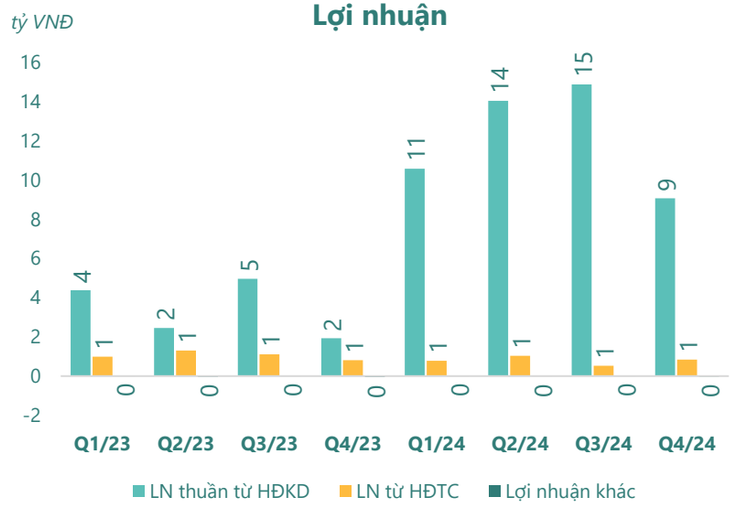
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



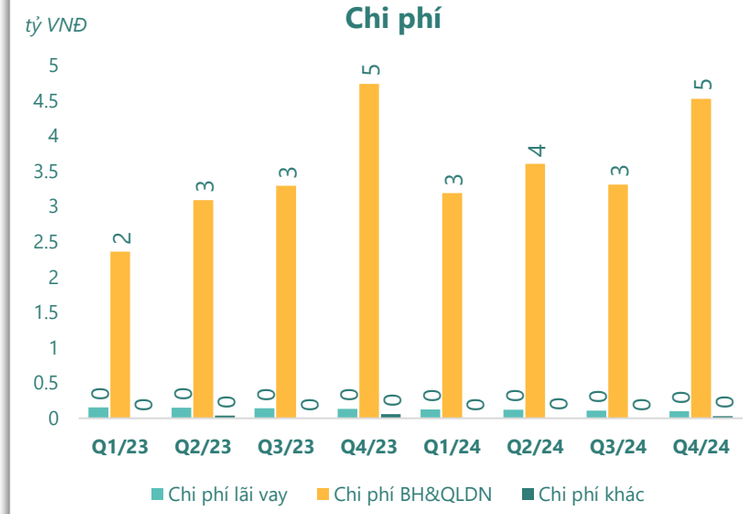
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



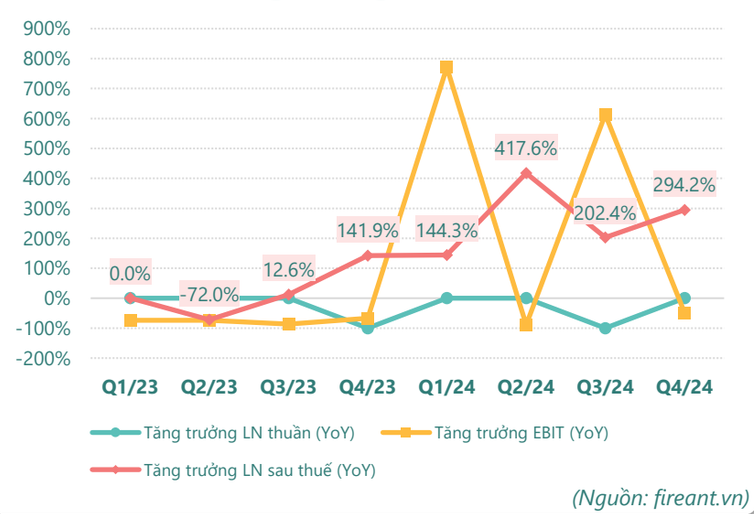
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



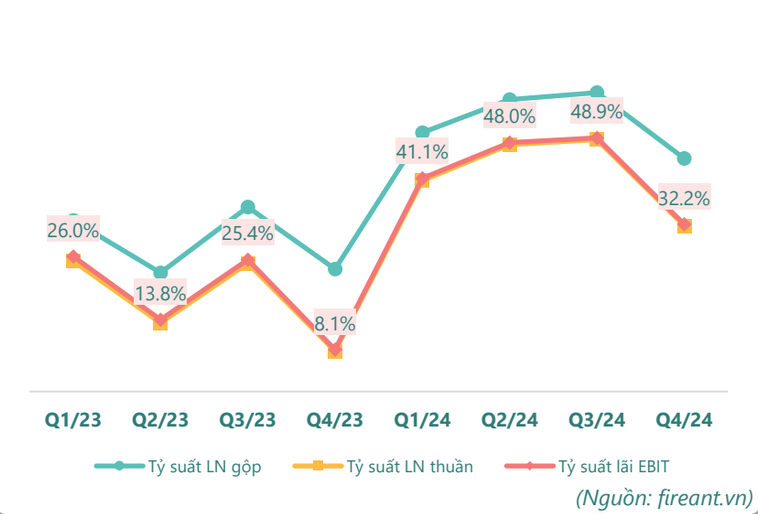
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



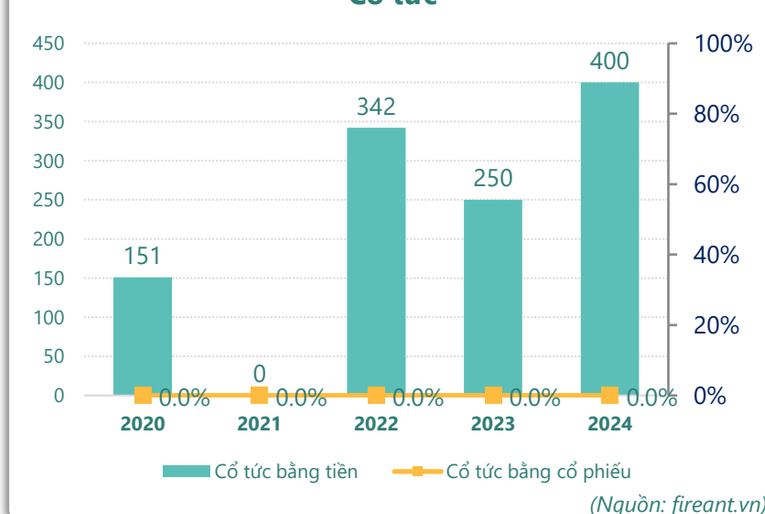
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

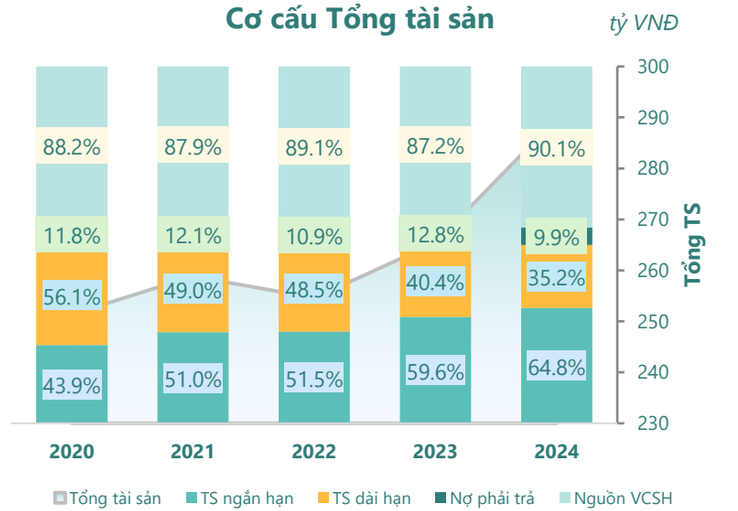
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

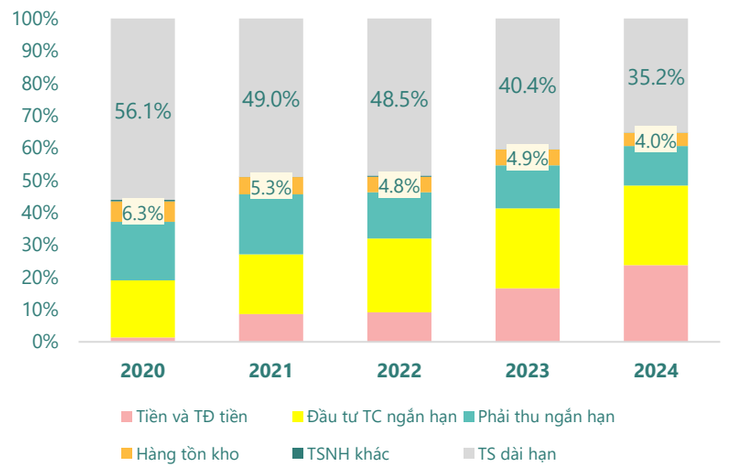
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



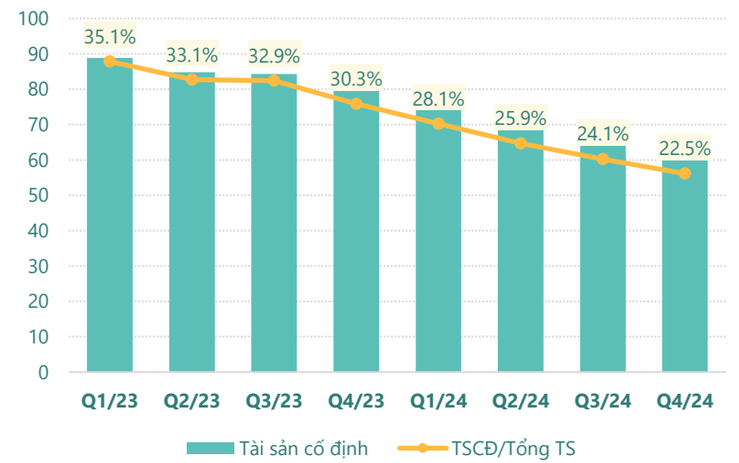
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



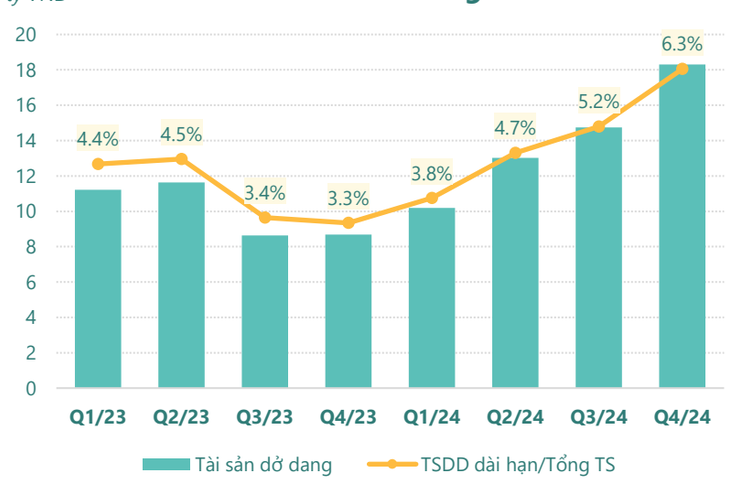
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



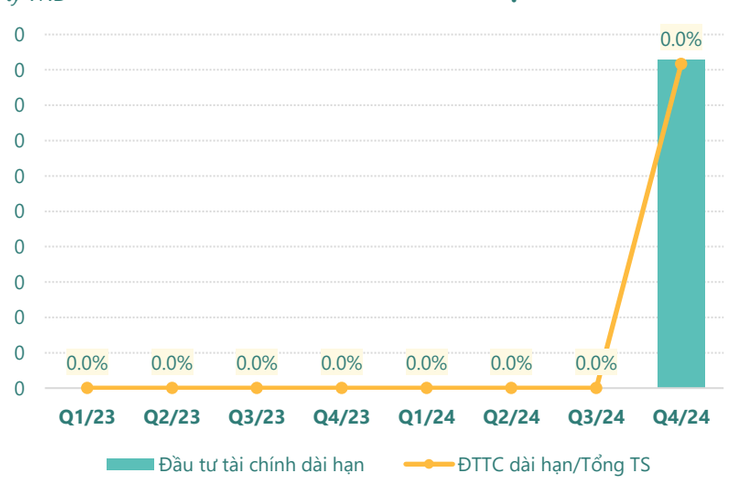
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



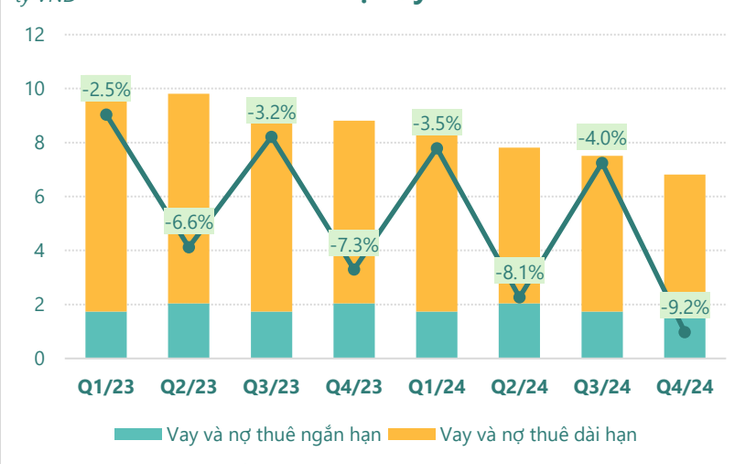
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

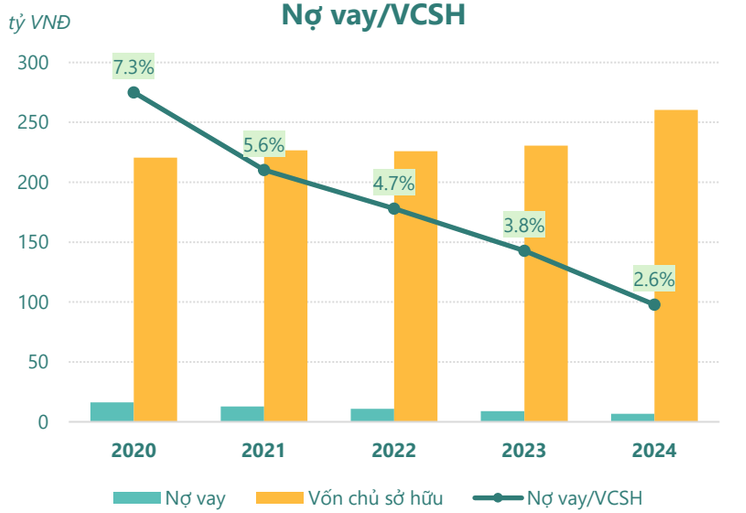
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

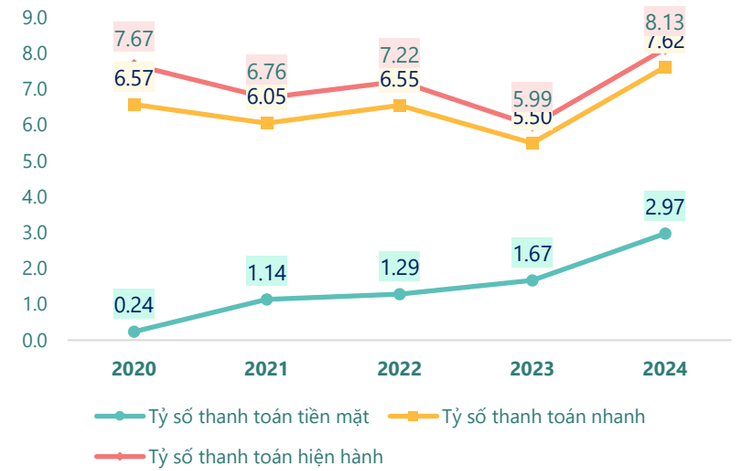
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



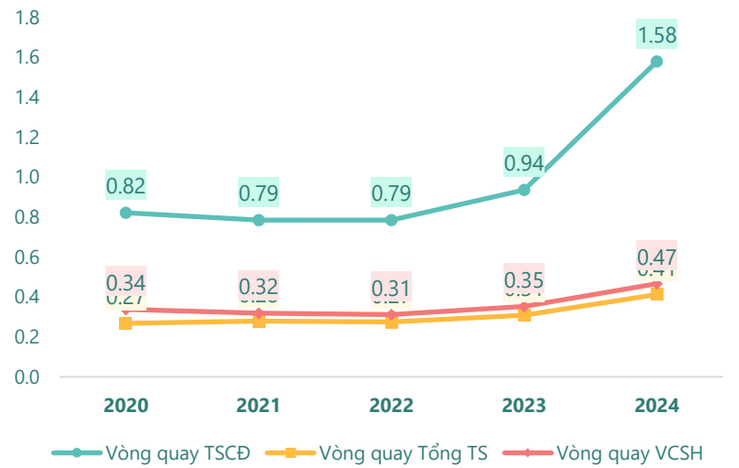
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



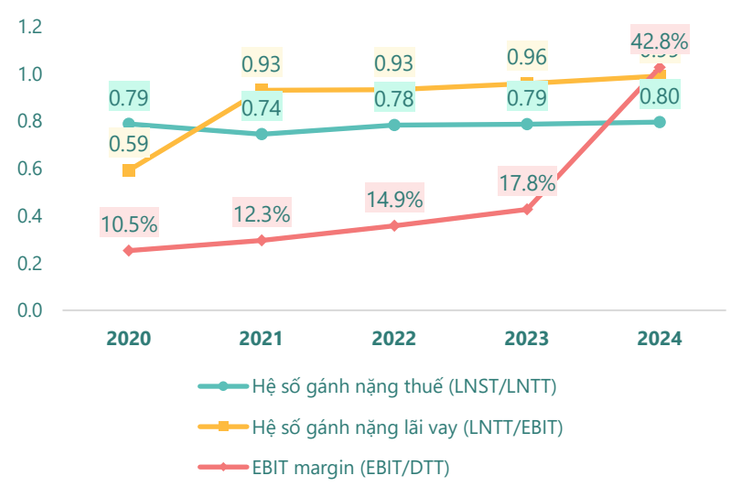
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



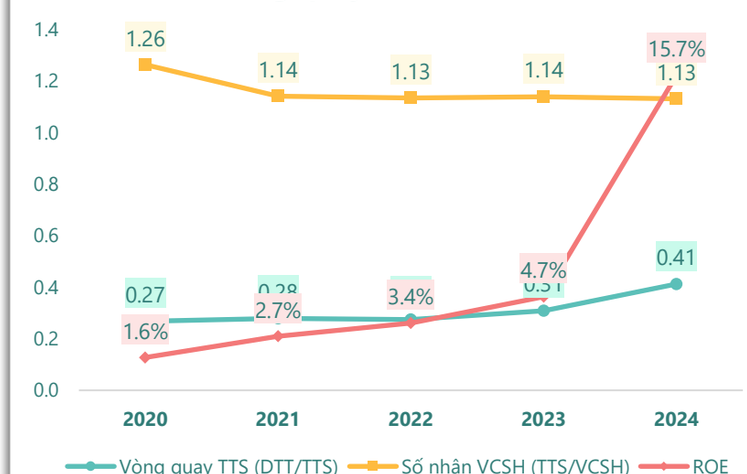
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



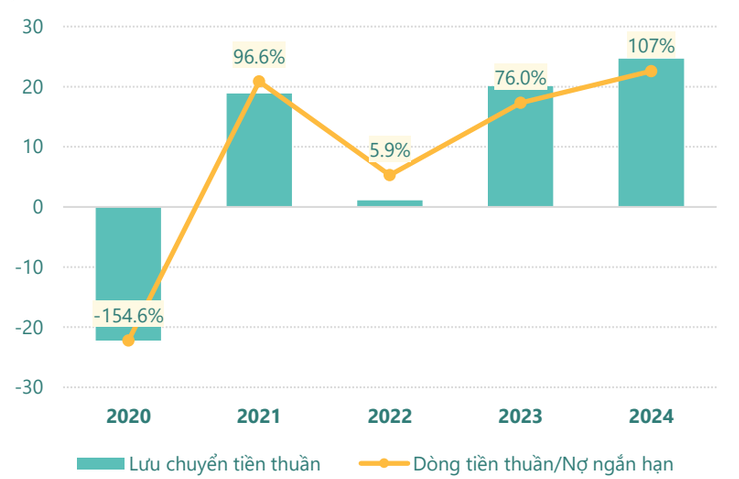
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**28.4**	**24.8**	**14.4%**	**115**	**80.3**	**42.5%**
Giá vốn hàng bán	15.6	18.9	-17.4%	54.5	57.3	-4.9%
Lợi nhuận gộp	12.8	5.86	118%	60.0	23.1	160%
Doanh thu HĐTC	0.95	0.94	0.9%	3.65	4.80	-23.9%
Chi phí TC	0.10	0.13	-21.3%	0.46	0.58	-21.1%
Chi phí lãi vay	0.10	0.13	-21.3%	0.46	0.58	-21.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.98	1.36	-27.7%	4.26	4.16	2.3%
Chi phí QLDN	**3.55**	**3.38**	**4.9%**	**10.4**	**9.33**	**11.3%**
LN thuần từ HĐKD	9.07	1.93	370%	48.6	13.8	252%
Lợi nhuận khác	**-0.03**	**-0.06**	**48.1%**	**-0.04**	**-0.10**	**58.1%**
LN trước thuế	9.04	1.87	384%	48.5	13.7	255%
Lợi nhuận sau thuế	**7.13**	**1.38**	**416%**	**38.6**	**10.8**	**259%**
LNST của CĐ cty mẹ	**7.09**	**1.38**	**414%**	**38.6**	**10.7**	**262%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	7.40	19.9	4.00	12.5	17.3	20.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.09	-0.38	-0.60	1.48	-10.9	-9.50
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-5.20	-0.80	-0.31	-0.69	-0.31	-8.49
Tiền đầu kỳ	25.2	25.3	44.0	47.1	60.4	66.5
Lưu chuyển tiền thuần	**0.11**	**18.7**	**3.09**	**13.3**	**6.10**	**2.17**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	25.3	44.0	47.1	60.4	66.5	68.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**290**	**265**	**9.2%**
Tài sản ngắn hạn	188	158	18.6%
Tiền và tương đương tiền	68.7	44.0	56.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	71.6	65.5	9.3%
Phải thu ngắn hạn	35.4	35.4	-0.1%
Hàng tồn kho	11.7	13.0	-10.1%
Tài sản ngắn hạn khác	0.34	0.25	35.5%
Tài sản dài hạn	**102**	**107**	**-4.7%**
Phải thu dài hạn	0.11	0.11	0.0%
Tài sản cố định	65.1	79.9	-18.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	18.3	8.69	111%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.00	0	
Tài sản dài hạn khác	**18.7**	**18.5**	**1.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	28.6	34.0	-15.9%
Nợ ngắn hạn	**23.1**	**26.4**	**-12.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2.04	2.04	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	3.91	9.70	-59.6%
Nợ dài hạn	5.51	7.59	-27.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	4.77	6.77	-29.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**261**	**231**	**12.9%**
Vốn chủ sở hữu	**260**	**231**	**12.9%**
Vốn điều lệ	200	200	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0.89**	**0.89**	**0.0%**

(Nguồn: fireant.vn)